

Bản án số: 416/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 21-12- 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tám.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phạm Thị Thanh Hoa.
- Ông Nguyễn Đăng Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Y, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Quốc Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị Y xin vắng mặt, anh Q vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày: Chị và anh Q sống chung năm 2018 do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị nghi ngờ anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không có hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Võ Quốc Q đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến trong hồ sơ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Y xin vắng mặt, bị đơn anh Võ Quốc Q vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 10/12/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình sống chung chị Y và anh Q xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Y nghi ngờ anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Đối với anh Q có tình vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của anh trong quá trình tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh Q đã ly thân từ đầu tháng 4 năm 2020 đến nay, anh chị không cùng nhau khắc phục mà để tình trạng ly thân kéo dài. Điều này chứng tỏ về tình cảm giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Y trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị Y trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Võ Quốc Q.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026528 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị Y đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã B
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**